

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2017/08/08	鐵殼長度無限對策, 將現作圖採番(S916195->R110492)	VDMA-XLB-1708-002	HSU CHAN YEN	Peng Wei Chun	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
						0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
						0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
		0.0 -0	+0.1 -0

FINISH MARKS			
W	G	FL	W

GR (Ø5.45) - GP1	GP2	Ø5.430 ^{+0.006} / _{+0.003}	30°	GP2	FINISH MARKS
		(Ø2.43)			W (G FL) W
2-Ø1.0 (逃氣孔)	0	7.1			

GR mài phần phía ngoài (cách mặt hông 2.5) thoát (<Ø5.40) để GP1 dễ dàng đo Ø5.430	GR&GP xuất phát từ mặt này	GR	GP2	Ø5.430 ^{+0.006} / _{+0.003}	30°	GP2	FINISH MARKS
							W (G FL) W

GR	GP2	Ø5.430 ^{+0.006} / _{+0.003}	30°	GP2	FINISH MARKS
					W (G FL) W

GR	GP2	Ø5.430 ^{+0.006} / _{+0.003}	30°	GP2	FINISH MARKS
					W (G FL) W

GR	GP2	Ø5.430 ^{+0.006} / _{+0.003}	30°	GP2	FINISH MARKS
					W (G FL) W

GR	GP2	Ø5.430 ^{+0.006} / _{+0.003}	30°	GP2	FINISH MARKS
					W (G FL) W

GR	GP2	Ø5.430 ^{+0.006} / _{+0.003}	30°	GP2	FINISH MARKS
					W (G FL) W

GR	GP2	Ø5.430 ^{+0.006} / _{+0.003}	30°	GP2	FINISH MARKS
					W (G FL) W

GR	GP2	Ø5.430 ^{+0.006} / _{+0.003}	30°	GP2	FINISH MARKS
					W (G FL) W

SNO: R110492	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP:R110492	GR:300 GP1:300 GS:40 GP2:30 AF:30 KT